

UBND XÃ NAM DONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ SỬ
DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA CƠ QUAN
NĂM 2025**

Số : *47*/BC-THLHP

Nam Dong, ngày *26* tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

“Công khai thu chi tài chính 6 tháng năm 2025 và năm học 2024 – 2025”

Căn cứ Điều 5 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường TH Lê Hồng Phong công khai thông tin về thu chi tài chính 06 tháng năm 2025 và năm học 2024 – 2025, nội dung cụ thể như sau:

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính 06 tháng năm 2025

a) Các khoản thu phân theo:

a.1. Nguồn ngân sách Nhà nước thực nhận năm 2025 là: 11.567.700.000 đồng

+ Chi không thường xuyên nguồn 12: 122.500.000đ

+ Chi thường xuyên nguồn 13: 10.877.000.000đ

+ Chi cải cách tiền lương nguồn 14: 54.000.000đ

+ Chi tiền thưởng theo nghị định 73/2024/NĐ-CP: 514.200.000đ

a.2. Nguồn thu khác từ người học: Năm học 2024-2025

- Căn cứ vào nghị quyết của hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông số 06/2021/NQ - HĐND ngày 20/8/2021 quy định các khoản thu và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Căn cứ vào nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh ĐắkNông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh ĐắkNông quy định các khoản thu và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Căn cứ theo TT 16/2018/TT – BGDDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2018 quy định về tài trợ cho cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Căn cứ thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Căn cứ theo hướng dẫn số 19/HD-LN ngày 25/09/2018 của Tỉnh đoàn Đắk Nông về việc thu, chi quản lý và sử dụng quỹ Đội trong trường học.

Quỹ Ban đại diện CMHS
 3. Chính sách
 - Hỗ trợ với người học
 9.60.

Số thứ tự	Diễn giải	Năm trước chuyển sang	Thu	Chi	Tồn	Ghi
1	Quỹ đội		30.055.000	30.055.000		45.000đ/em
2	Nước uống tại lớp cho học sinh		48.168.000	48.168.000		72.000đ/em
3	Thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh		58.500.000	58.500.000		90.000đ/em
4	Quỹ Ban đại diện CMHS lớp trích lên BD DCMHS trường		20.025.000	20.025.000		15.000-30.000đ/em
	Tổng cộng		156.748.000	156.748.000		

- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: Không
- Nguồn thu khác và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không

b) Các khoản chi phân theo:

- Quyết toán chi từ nguồn NSNN cấp năm 2025:
- + Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cho cán bộ, giáo viên nhân viên (bao gồm chi cải cách tiền lương cho cán bộ, giáo viên, nhân viên): 6.327.020.359đ
- + Chi hoạt động thường xuyên: 152.290.801đ
- + Chi hoạt động không thường xuyên: 5.000.000đ
- + Chi hỗ trợ học sinh hộ nghèo NQ81: 9.750.000đ
- + Chi hỗ trợ học sinh cận nghèo, thoát nghèo dân tộc NĐ 11: 5.250.000đ
- + Chi kinh phí đánh giá ngoài công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục (công nhận trường chuẩn Quốc Gia năm 2024): 26.500.000đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

a. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2024-2025:

- + Quỹ đội : 45.000đ/em/năm học : 5.000đ/em/tháng

b. Các khoản thu dịch vụ trực tiếp cho học sinh:

- Căn cứ vào nghị quyết của hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông số 06/2021/NQ - HĐND ngày 20/8/2021.
- + Tiền nước uống tại lớp: 72.000đ/em/ năm học: 8.000đ/em/tháng
- + Tiền thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho HS: 90.000đ/em/năm học : 10.000đ/em/tháng

+ Quỹ Ban đại diện CMHS lớp trích lên BD DCMHS trường: 15.000-30.000đ/em/năm

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp học bổng đối với người học năm học 2024 - 2025

- **Hỗ trợ học sinh hộ nghèo, mồ côi, khuyết tật theo nghị quyết 81/2021/NĐ-CP:**

Học kỳ 1 năm học 2024 – 2025 tháng 9 đến tháng 12/2024: có 16 em chi 9.600.000đ

Học kỳ 2 năm học 2024 – 2025 tháng 1 đến tháng 5/2025: có 13 em chi 9.750.000đ

- **Hỗ trợ học sinh dân tộc thuộc hộ cận nghèo theo nghị quyết 11 /2022/NĐ-CP:**

Học kỳ 1 năm học 2024 – 2025 tháng 9 đến tháng 12/2024: có 13 em chi 7.800.000đ

Học kỳ 2 năm học 2024 – 2025 tháng 1 đến tháng 5/2025: có 7 em chi 5.250.000đ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù: 0đ

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

Thực hiện theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 09/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Cổng thông tin điện tử;
- Liêm yết 3 công khai tại Văn phòng
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Giáp Văn Thọ

Số : 08BC-THLHP

Nam Dong, ngày 26 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

“Công khai thu chi tài chính năm 2024 và học kỳ 1 năm học 2024 – 2025”

Căn cứ Điều 5 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường TH Lê Hồng Phong công khai thông tin về thu chi tài chính năm 2024 và học kỳ 1 năm học 2024 – 2025, nội dung cụ thể như sau:

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính năm 2024

a) Các khoản thu phân theo:

- a.1. Nguồn ngân sách Nhà nước thực nhận năm 2024 là: 10.311.047.000 đồng
 - + Chi không thường xuyên nguồn 12: 45.150.000đ
 - + Chi thường xuyên nguồn 13: 10.265.897.000đ

a.2. Nguồn thu khác từ người học: HKI năm học 2024-2025

- Căn cứ vào nghị quyết của hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông số 06/2021/NQ - HĐND ngày 20/8/2021 quy định các khoản thu và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;
- Căn cứ vào nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh ĐắkNông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh ĐắkNông quy định các khoản thu và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;
- Căn cứ theo TT 16/2018/TT – BGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2018 quy định về tài trợ cho cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
- Căn cứ thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.
- Căn cứ theo hướng dẫn số 19/HD-LN ngày 25/09/2018 của Tỉnh đoàn Đắk Nông về việc thu, chi quản lý và sử dụng quỹ Đội trong trường học.

Số thứ tự	Diễn giải	Năm trước chuyển sang	Thu	Chi	Tồn	Ghi chú
1	Quỹ đội	0	21.060.000	12.471.800	8.588.200	45.000đ/em
2	Nước uống cho học sinh	0	33.768.000	21.291.480	12.476.520	72.000đ/em
3	Thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh	0	42.210.000	26.000.000	16.210.000	90.000đ/em
4	Quỹ Ban đại diện CMHS lớp trích lên BD DCMHS trường	0	14.025.000	9.045.800	4.979.200	15.000-30.000đ/em
	Tổng cộng		111.063.000	68.809.080	42.253.920	

- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: Không
- Nguồn thu khác và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không

b) Các khoản chi phân theo:

- Quyết toán chi từ nguồn NSNN cấp năm 2024:
- + Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cho cán bộ, giáo viên nhân viên (bao gồm chi cải cách tiền lương cho cán bộ, giáo viên, nhân viên): 9.832.691.646đ

+ Chi hoạt động thường xuyên: 433.205.354đ

+ Chi hỗ trợ học sinh hộ nghèo NĐ81: 24.600.000đ

+ Chi hỗ trợ học sinh cận nghèo, thoát nghèo dân tộc NQ11: 20.550.000đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

a. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2024-2025:

+ Quỹ đội : 45.000đ/em/năm học : 5.000đ/em/tháng

b. Các khoản thu dịch vụ trực tiếp cho học sinh:

- Căn cứ vào nghị quyết của hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021.

+ Tiền nước uống tại lớp: 72.000đ/em/ năm học: 8.000đ/em/tháng

+ Tiền thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho HS: 90.000đ/em/năm học : 10.000đ/em/tháng

+ Quỹ Ban đại diện CMHS lớp trích lên BD DCMHS trường: 15.000-30.000đ/em/năm học

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp học bổng đối với người học năm học 2023-2024, 2024 - 2025

Hỗ trợ học sinh hộ nghèo, mồ côi, khuyết tật theo nghị định 81/2021/NĐ-

Học kỳ 2 năm học 2023 – 2024 tháng 1 đến tháng 5/2024: có 20 em chi 5.000.000đ

Học kỳ 1 năm học 2024 – 2025 tháng 9 đến tháng 12/2024: có 16 em chi 9.600.000đ

- Hỗ trợ học sinh dân tộc thuộc hộ cận nghèo theo nghị quyết 11 /2022/NĐ-

CP:

Học kỳ 2 năm học 2023 – 2024 tháng 1 đến tháng 5/2024: có 17 em chi 12.750.000đ

Học kỳ 1 năm học 2024 – 2025 tháng 9 đến tháng 12/2024: có 13 em chi 7.800.000đ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù: 0đ

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

Thực hiện theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 09/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Cổng thông tin điện tử;
- Liềm yết 3 công khai tại Văn phòng
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Giáp Văn Lưu

**UBND XÃ NAM DONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ SỬ
DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA CƠ QUAN
NĂM 2025**

Nam Dong, ngày 27 tháng 8 năm 2025

QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo quyết định số 02/QĐ-HT ngày 27 tháng 08 năm 2025)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu thống nhất trong phạm vi nguồn tài chính của trường, nhằm thực hiện mọi nhiệm vụ thường xuyên và hoạt động đặc thù của các bộ phận, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đối tượng điều chỉnh của quy chế này là cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường Tiểu học Lê Hồng Phong trong hoạt động quản lý, giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu, phục vụ, học tập và rèn luyện”.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động gọi tắt là (CB,VC, NLĐ) trong đơn vị

Điều 3: Nguyên tắc chung

Bản quy chế chi tiêu nội bộ này (viết tắt là QCCTNB) quy định về công tác quản lý nguồn thu và chi tiêu của đơn vị trường Tiểu học Lê Hồng Phong đã được thảo luận dân chủ tại đơn vị trường Tiểu học Lê Hồng Phong . Trong quá trình thực hiện nếu có những thay đổi về chính sách, chế độ, tiền lương hoặc những điều, khoản chưa hợp lý thì sẽ được thống nhất trong tập thể lãnh đạo hoặc tính chất phải triệu tập Hội nghị sẽ triệu tập Hội nghị CBVC để bàn bạc, thay đổi, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp theo quy định hiện hành của Pháp luật.

Điều 4: Nguyên tắc quản lý nguồn thu

Đơn vị thực hiện quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 5: Nguyên tắc chi

1. Tiết kiệm nguồn vốn, tiết kiệm những khoản chi không hiệu quả, nhằm nâng cao thu nhập cho CB,VC,NLĐ.
2. Các khoản chi phải đảm bảo đầy đủ chứng từ, hóa đơn hợp lệ, đảm bảo tính hợp pháp, pháp lý theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3. Các khoản chi thường xuyên phải có kế hoạch, dự toán trình Lãnh đạo duyệt; Các khoản chi nhà nước đã quy định (Lương cơ bản, phụ cấp, ngoài giờ, công phí, hội nghị) thực hiện theo quy định của nhà nước.

4. Chi đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB), mua sắm tài sản, thiết bị, máy móc ... hiện theo trình tự của nhà nước.

Điều 6: Mục đích, yêu cầu

1. Tăng cường tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính, từ đó không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, tăng thu, cải thiện đời sống về vật chất lẫn tinh thần cho CB,VC,NLĐ trong đơn vị.

2. Chủ động trong việc xây dựng kế hoạch thu – chi, quy định thống nhất chi phân phối thu nhập, định mức chi tiêu trong đơn vị. Sử dụng các nguồn thu sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước cấp đảm bảo tiết kiệm, đúng mục đích và hiệu quả.

3. Sử dụng tài sản đúng mục đích, đúng quy định và có hiệu quả.

4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

5. Là cơ sở để cơ quan Kho bạc nhà nước kiểm soát chi, cơ quan tài chính cấp kiểm tra, CB,VC,NLĐ giám sát việc chi tiêu sử dụng nguồn kinh phí.

6. Nhằm động viên, khuyến khích CB,VC,NLĐ nâng cao tinh thần trách nhiệm hiệu quả công tác trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng đơn vị ngày càng vững mạnh về mọi mặt.

Điều 7. Căn cứ pháp lý để xây dựng quy chế

- Căn Cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC, ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Căn cứ quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của UBND Nam Dong về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính đối với các phòng chuyên môn, Trung tâm phục vụ hành chính công và tự chủ hành chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập xã năm 2025 đến hết năm 2026.

- Căn cứ thông báo số 30/TB - UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân Nam Dong về việc tạm thời tiếp nhận người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã Nam Dong .

- Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Căn cứ vào Nghị định số 11/2020/NĐ-CP, ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước.

- Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Bộ tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc nhà nước.

- Căn cứ vào Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

4.5. Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc

Đối tượng áp dụng: Tổng phụ trách Đội và phụ trách kế toán của đơn vị, hệ số cấp chức vụ được hưởng theo quy định của nhà nước, chi trả hàng tháng theo lương.

4.6. Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề

Thực hiện theo Thông tư 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo

Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề được chi trả hàng tháng theo bảng lương.

Đối tượng áp dụng: CB,VC là giáo viên trong đơn vị đang giảng dạy đủ từ 5 (năm) (60 tháng) trở lên.

4.7. Tiền lương tăng thêm do làm vượt giờ, làm thêm, phụ cấp khác :

1. Chi tiền lương, tiền công vượt giờ: Việc tính tiết dạy, trả tiền thừa giờ cho giáo viên: Thực hiện theo thông tư số 07/2013/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính “V/v hướng dẫn chế độ lương dạy thêm giờ đối với cơ sở giáo dục công lập”

2. Chi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm của người lao động.

Làm thêm ngày nghỉ, ngày lễ, làm thêm trong ngày thường trong năm được thực hiện theo quy định tại Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2020 và Nghị định số 145/2020/NĐ – CP, ngày 14/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động.

5. Các khoản phụ cấp, trợ cấp khác (Tiền thể dục ngoài trời)

Thực hiện theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao”

Đối tượng áp dụng: Viên chức là giáo viên dạy môn thể dục trong đơn vị

Thời gian chi trả: Chi trả vào cuối mỗi học kỳ của năm học.

Điều 11. Quy định về nghỉ lễ tết, nghỉ việc riêng không hưởng lương, hàng năm tăng thêm theo thâm niên làm việc.

Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN PHỐI SỬ DỤNG KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Điều 12. Quy định về sử dụng kết quả tài chính và nguồn chi tiết kiệm thường xuyên.

CHƯƠNG V CHI TỪ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Điều 13. Chi thu nhập tăng thêm

Nếu tiết kiệm chi được thì đơn vị sẽ làm bổ sung vào quy chế cuối năm.

Điều 14. Chi phúc lợi tập thể

1. Chi tiền nghỉ phép:

Thực hiện theo Thông tư số 141/2011/TT-BTC, ngày 20/10/2011 của Bộ Tài chính quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 57/2014/TT-BTC, ngày 06/05/2014 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2011/TT-BTC

1.1. Chi tiền tàu xe, nghỉ phép năm:

1.1.1. Thanh toán theo mức khoán (trong trường hợp không có vé tàu xe):

Trường hợp người đi nghỉ phép năm tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện theo số ki-lô-mét thực đi cụ thể như sau:

- Căn cứ để tính số ki-lô-mét thực đi là kiểm tra trên Google Map từ Bến xe khách huyện Cư Jut tỉnh Đắk Nông đến Bến xe khách liên tỉnh nơi viên chức nghỉ phép;

- Mức tiền khoán là: 600đ/km (Có bảng khoán chi tiết kèm theo).

- Kế toán áp dụng vào định mức khoán để thanh toán nhưng không vượt quá mức giá vận tải phổ biến của loại phương tiện công cộng tại địa phương (bảng giá vé xe công cộng gần nhất của địa phương).

1.1.2. Thanh toán theo thực tế: (Trường hợp có vé hợp lệ) Mức thanh toán theo giá ghi trên vé, hoá đơn; giá vé đề nghị thanh toán không bao gồm các chi phí dịch vụ khác (tham quan du lịch, các dịch vụ đặc biệt theo yêu cầu). Trong trường hợp cán bộ, viên chức đi nghỉ phép sử dụng phương tiện là máy bay khi có vé hợp pháp sẽ được thanh toán theo giá cước vận tải khách công cộng bằng phương tiện đường bộ phù hợp với tuyến đường đi nghỉ phép (theo bảng giá vé xe công cộng tại thời điểm đi nghỉ phép) và được thanh toán tiền xe 01 (một) lượt đi và 01 (một) lượt về từ nơi cư trú đến bến xe khách liên tỉnh hoặc nơi nghỉ phép.

1.2. Tiền phụ cấp đi đường:

Được thực hiện theo chế độ của Nhà nước hiện hành. Mức chi phụ cấp 200.000đ/ngày (Tại Điều 6 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và theo Nghị quyết 24/2017/QĐ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Đắk Nông ban hành quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông) và được quy định số ngày tính phụ cấp như sau:

- Từ Bến xe Cư Jut đi các tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Kạn được tính phụ cấp đi đường 04 ngày (Tính cả ngày đi và về)

- Từ Bến xe Cư Jut đi: Thanh Hóa, Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hoà Bình, Bắc Giang, Bắc Ninh được tính phụ cấp đi đường 03 ngày (Tính cả ngày đi và về)

- Từ Bến xe Cư Jut đi: Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Sài Gòn, Vũng Tàu, Đồng Nai, Đà Lạt, Đồng Tháp, Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau được tính phụ cấp đi đường 02 ngày (Tính cả ngày đi và về)

- Từ Bến xe Cư Jut đi: Gia Lai, Kon Tum, Khánh Hoà, Bình Định, Phú Yên được tính phụ cấp đi đường 01 ngày (Tính cả ngày đi và về)

- Các tỉnh khách ngoài các tỉnh đã nêu ở trên (nếu có) thì dựa vào các tỉnh gần nhất để thanh toán tiền phụ cấp đi đường (Tính cả ngày đi và ngày về).

Chứng từ thanh toán tiền nghỉ phép gồm có: giấy nghỉ phép có xác nhận của thủ trưởng đơn vị và địa phương nơi nghỉ phép.

2. Tiền mua trà và nước uống hàng tháng phục vụ cho CB,VC,NLĐ trong quá trình làm việc thanh toán theo hóa đơn thực tế.

Điều 15. Chi cho hoạt động chuyên môn

- Chi mua sổ sách, giáo án, giấy in, bút, phấn dùng cho giáo viên. Văn phòng phẩm phục vụ thao giảng, dự giờ, mở chuyên đề, nhu cầu của tổ, khối.

- Chi in ấn, phô tô các loại sổ cá nhân cho giáo viên, mẫu biểu phục vụ cho công tác chuyên môn (như thao giảng, dự giờ, mở chuyên đề)

- Chi mua hàng hóa vật tư phục vụ công tác chuyên môn cho các bộ môn (tính theo hóa đơn thực tế và được thủ trưởng ký duyệt).

- Chi mua trang thiết bị, đồ dùng chuyên môn: Phải xây dựng kế hoạch chi tiêu hàng năm, căn cứ văn bản hướng dẫn và nhu cầu sử dụng để mua (Thanh toán theo hóa đơn thực tế và được thủ trưởng ký duyệt).

- Mua tài liệu chuyên môn: Sổ sách, biểu mẫu, sách nghiệp vụ, tài liệu chuyên môn cho từng giáo viên theo hoá đơn mua thực tế.

- Chi mua sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tham khảo phục vụ giảng dạy theo nhu cầu thực tế của từng khối lớp.

- Chi chế độ bồi dưỡng, mua đồng phục, trang phục cho giáo viên dạy thể dục: thực hiện theo quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 quy định về chế độ bồi dưỡng và trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao.

- Các khoản tiền chi cho các hoạt động : Hội khỏe Phù Đổng, Hội thao của ngành Giáo dục, Đại hội điền kinh, các Hội thi, Cuộc thi, Kỳ thi,... theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền (nếu có), chi theo thực tế phát sinh trong các hoạt động.

- Khen giáo viên: Mức chi khen đối với giáo viên dạy giỏi; giáo viên chủ nhiệm giỏi trong năm học: Tặng 01 giấy chứng nhận trích từ kinh phí chi thường xuyên của trường.

- Khen học sinh: Mức chi khen đối với học sinh đạt thành tích trong năm học: Tặng 01 giấy khen hoặc 01 giấy chứng nhận trích từ kinh phí chi thường xuyên của trường.

Điều 16. Chi cho đào tạo

Trường hợp CB,VC,NLĐ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn hoặc dài hạn thì thanh toán chế độ theo Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 “hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức”. Và thực hiện theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 07 năm 2019 của HĐND tỉnh Đắk Nông quy định về mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Mức thanh toán tiền tự túc phương tiện đi lại thực hiện theo hình thức khoán như phân chi công tác phí đã quy định tại điều 25 của quy chế này.

- Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung:

+ Trong tỉnh: 100.000 đồng/ngày/người

+ Ngoài tỉnh: 150.000 đồng/ngày/người

- Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, viên chức trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo thanh toán theo hình thức khoán (trong trường hợp cơ sở đào tạo cách đơn vị công tác từ 10km trở lên và cơ sở đào tạo, đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ):

+ Trong tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;

+ Ngoài tỉnh: 250.000 đồng/người/ngày.

- Còn đối với trường hợp CB,VC,NLĐ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn ngắn hạn hoặc dài hạn tại xã Cư Jut:

+ Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập trong những ngày tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn (cả chiều đi và về) theo hình thức khoán là : 50.000đ/1 ngày;

+ Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi đào tạo, bồi dưỡng tập tậ
50.000đ/1 người/ngày;

+ Không chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức
những ngày tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn tại cơ sở đ

Chứng từ thanh toán chế độ tập huấn, học tập dài hạn gồm có: giấy đi đượ
xác nhận của nơi đi và nơi đến công tác kèm theo các công văn cử đi công tác.

Điều 17. Chi cho công tác vệ sinh môi trường

Chi mua thùng đựng rác, thuê dịch vụ dọn rác theo thực tế.

Điều 18. Chi tiền điện thoại

Thanh toán theo hóa đơn thực tế hàng tháng của Trung tâm kinh doanh V
Đăk Nông và các nhà mạng khác.

Điều 19. Chi cước phí Internet, dịch vụ VNPT, Viettel

- Internet, dịch vụ VNPT, Viettel: Thanh toán theo hóa đơn thực tế.

Điều 20. Chi điện, nước

- Mọi người đều có trách nhiệm tiết kiệm điện, nước.

- Ưu tiên phục vụ cho hoạt động dạy và học.

- Tiền điện: Thanh toán theo hóa đơn thực tế hàng tháng của điện lực Đăk N

- Nếu sử dụng nước máy: Thanh toán theo hóa đơn hàng tháng.

Điều 21. Chi cho quảng cáo, tuyên truyền

Chi mua băng rôn khẩu hiệu các ngày lễ, nội quy, quy định trong trường học

Điều 22. Chi hội nghị, hội họp, tiếp khách

1.1. Chi hội nghị, hội họp:

- Các hội nghị do đơn vị tổ chức kỷ niệm các ngày lễ như: khai giảng nă
mới, hội nghị viên chức - người lao động, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Tết N
đán, tổng kết năm học.

- Mức chi hội nghị căn cứ theo điều 4 Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND
14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông ban hành quy định các mức
công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà
trên địa bàn tỉnh Đăk Nông

- Chi tiền tài liệu, maket, hoa trang trí, nước uống chi theo thực tế từng hội n

- Chế độ khác chi theo quy định của nhà nước

1.2. Chi tiếp khách:

- Chi tiếp khách đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, tài chính.

- Mức chi theo Nghị quyết số 05/2019/NQ- HĐND ngày 19 tháng 7 năm 201
HĐND Tỉnh Đăk Nông ban hành quy định các mức chi tiếp khách nước ngoài, c
chức hội nghị, hội thảo quốc tế, chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đăk N
các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 23. Chi mua văn phòng phẩm

- Đối với tổ chuyên môn, tổ văn phòng (Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn th
toán, thư viện...) tùy theo nhu cầu công việc mà cấp văn phòng phẩm cho các tổ ch

môn, tổ văn phòng theo giấy đề xuất của tổ, cá nhân (đặc biệt là văn phòng phẩm để mở các chuyên đề trong năm học).

- Đối với giáo viên (trong biên chế và hợp đồng) chi văn phòng phẩm mỗi năm học bao gồm: giấy in A4, sổ hợp, sổ lá, bút, phấn viết bảng, hộp đựng hồ sơ và các loại sổ cá nhân chi cho 01 giáo viên Chứng từ thanh toán gồm có: Giấy đề nghị thanh toán kèm theo Hóa đơn mua hàng GTGT, phiếu đề xuất, danh sách ký nhận văn phòng phẩm.

- Đối với tổ khối chuyên môn: theo đề xuất của tổ khối và của Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn.

Điều 24. Chi mua sắm đồ dùng, công cụ, dụng cụ, vật tư phòng làm việc

- Thực hiện theo thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Căn cứ vào Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị..

- Thực hiện chi mua sắm công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng theo nhu cầu thực tế của đơn vị.

- Chi mua vật tư văn phòng khác thanh toán theo hóa đơn thực tế.

Điều 25. Chi công tác phí, khoán công tác phí

Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 24/2017/QĐ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Đắk Nông ban hành quy định các mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

1. Chi khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác (Tại khoản 2, điều 5, Thông tư số 40/2017/TT-BTC)

- Đi công tác trong tỉnh: Thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác như sau:

- + Đi công tác từ xã Nam Dong đến xã Đắk Wil, xã Cư Jut không thanh toán;
- + Đi công tác từ xã Nam Dong đến xã Đắk Mil, xã Krông Nô, Thành phố Buôn Mê Thuột tỉnh Đắk Lắk là 90.000 đồng (lượt đi và lượt về);
- + Đi công tác từ xã Nam Dong đến xã Đắk Song là 120.000 đồng (lượt đi và lượt về);

Điều 30. Các khoản chi chế độ chính sách khác

- Chi thường ngày lễ tết theo văn bản quy định.
- Chi chế độ chính sách cho học sinh

+ Chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi trả học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

+ Chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị Quyết số 11/2022/QĐ-ND ngày 14/12/2022 của tỉnh Đắk Nông quy định một số chính sách thực hiện tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

Quy chế này áp dụng để thực hiện việc Chi tiêu nội bộ đơn vị. Áp dụng chế độ CB,VC,NLĐ thuộc đơn vị trường TH Lê Hồng Phong. Các nội dung khác chi tiêu đầy đủ trong Quy chế này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện nếu có gì bất hợp lý và cần thiết sẽ được tập thể lãnh đạo đơn vị cùng với các tổ trưởng chuyên môn thống nhất xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



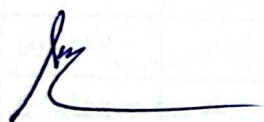
Giáp Văn Thọ

NG KHOẢN TIỀN TỰ TÚC PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI KHI NGHỈ PHÉP
(Áp dụng từ ngày 01/01/2025)

T	Tuyến	Giá vé xe thực tế một lượt năm 2024	Số km tính từ bến xe Cư Jut đến bến xe khách liên tỉnh nơi nghỉ phép	Số tiền/1km theo bảng giá thực tế năm 2024	Mức giá tiền khoản/1k m năm 2025	Số tiền khoản một lượt năm 2025	Số tiền khoản một lượt năm 2025 (làm tròn)
1	Cao Bằng	1.050.000	1608	653	600	964.800	965.000
2	Lào Cai	1.150.000	1606	716	600	963.600	964.000
3	Hà Giang	980.000	1621	605	600	972.600	973.000
4	Yên Bái	950.000	1482	641	600	889.200	889.000
5	Bắc Kạn	980.000	1487	659	600	892.200	892.000
6	Tuyên Quang	920.000	1474	624	600	884.400	884.000
7	Lạng Sơn	980.000	1476	664	600	885.600	886.000
8	Thái Nguyên	950.000	1406	676	600	843.600	844.000
9	Bắc Giang	910.000	1381	659	600	828.600	829.000
10	Quảng Ninh	950.000	1585	599	600	951.000	951.000
11	Hưng Yên	900.000	1300	692	600	780.000	780.000
12	Điện Biên	950.000	1657	573	600	994.200	994.000
13	Phú Thọ	850.000	1429	595	600	857.400	857.000
14	Vĩnh Phúc	850.000	1374	619	600	824.400	824.000
15	Bắc Ninh	850.000	1360	625	600	816.000	816.000
16	Hoà Bình	980.000	1340	731	600	804.000	804.000
17	Hà Nội (Mỹ Đình)	860.000	1336	644	600	801.600	802.000
18	Hải Phòng	900.000	1364	660	600	818.400	818.000
19	Hải Dương	870.000	1365	637	600	819.000	819.000
20	Thái Bình	850.000	1291	658	600	774.600	775.000
21	Hà Nam	840.000	1274	659	600	764.400	764.000
22	Nam Định	800.000	1270	630	600	762.000	762.000
23	Ninh Bình	800.000	1238	646	600	742.800	743.000
24	Thanh Hoá	750.000	1187	632	600	712.200	712.000
25	Nghệ An (Vinh)	700.000	1053	665	600	631.800	632.000
26	Hà Tĩnh	650.000	985	660	600	591.000	591.000
27	Quảng Bình	600.000	808	743	600	484.800	485.000
28	Quảng Trị	550.000	692	795	600	415.200	415.000

29	Huế	500.000	642	779	600	385.200	385
30	Đà Nẵng	450.000	545	826	600	327.000	327
31	Quảng Nam	350.000	507	690	600	304.200	304
32	Quảng Ngãi	280.000	443	632	600	265.800	266
33	Qui Nhơn	250.000	280	893	600	168.000	168
34	Gia Lai	200.000	200	1.000	600	120.000	120
35	Đồng Nai	370.000	300	1.233	600	180.000	180
36	Sài Gòn	420.000	317	1.325	600	190.200	190
37	Vũng Tàu	450.000	375	1.200	600	225.000	225
38	Nha Trang	250.000	207	1.208	600	124.200	124
39	Đà Lạt	300.000	195	1.538	600	117.000	117

NGƯỜI LẬP



Trần Thị Huệ



HIỆU TRƯỞNG



Giáp Văn Thụ

Số: 02/2025

Ngày 27 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(V/v Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 Trường TH Lê Hồng Phong)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG:

- Căn Cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC, ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Căn cứ quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Nam Dong về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính đối với các phòng chuyên môn, Trung tâm phục vụ hành chính công và tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập xã năm 2025 đến hết năm 2026.

- Căn cứ thông báo số 30/TB - UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Nam Dong về việc tạm thời tiếp nhận người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã Nam Dong .

- Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Căn cứ vào Nghị định số 11/2020/NĐ-CP, ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước.

- Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc nhà nước.

- Căn cứ vào Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Căn cứ vào Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, ngày 30/12/2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Căn cứ vào Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

- Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/04/2017 của Bộ Tài Chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

- Căn Cứ Quyết Định 84/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 về việc tiếp nhận ngư trường các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập về trực thuộc UBND Nam Dong.

- Căn cứ Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND Nam Dong về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau khi sắp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Căn cứ công văn số 534/HĐND-PC ngày 06/8/2025 của Hội đồng nhân dân Lâm Đồng về việc thống nhất áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do hội đồng nhân thông qua khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

Theo đề xuất của bộ phận kế toán Trường TH Lê Hồng Phong.

QUYẾT ĐỊNH:

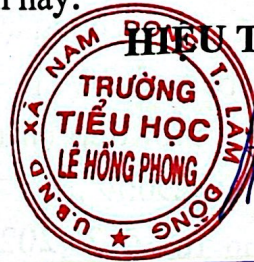
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của Trường TH Lê Hồng Phong”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

Điều 3. Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, Kế toán, giáo viên và nhân viên Trường TH Lê Hồng Phong chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Kho bạc NN Cư Jút
- BGH trường TH LHP
- KT trường, Giáo viên, nhân viên THLHP



Giáp Văn Thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Trích biên bản họp hội đồng sự phạm ngày 27 tháng 08 năm 2025)

Chủ tọa: Đ/c Giáp Văn Thụ

Thư ký: Đ/c Đặng Văn Lam

Tổng số CBVC: 41 đ/c. Có mặt 41 đ/c : Vắng có lý do: 0 đ/c

Nội dung: Công khai dự toán ngân sách nhà nước được giao năm 2025.

Đ/c: Giáp Văn Thụ thông qua quyết định số Căn cứ Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND Xã Nam Dong về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp cho đơn vị Trường TH Lê Hồng Phong số tiền cụ thể là:

Tổng số dự toán được giao năm 2025: 11.053.500.000 đồng.

Trong đó :

+ KP Chi thường xuyên : 10.877.000.000 đ

+ KP Chi không thường xuyên 122.500.000 đ

+ KP tiết kiệm chi 10% cải cách tiền lương 54.000.000 đ

TỔNG CỘNG DỰ TOÁN 2025: 11.053.500.000 đồng.

Số tiền ghi bằng chữ: (Mười một tỷ không trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Cuộc họp kết thúc lúc 17h cùng ngày đã thông qua biên bản và mọi người đều nhất trí./.

Thư ký



Đặng Văn Lam



Chủ tọa

Giáp Văn Thụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP CÔNG KHAI QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN
CÔNG CỦA ĐƠN VỊ NĂM 2025**

(Trích biên bản họp hội đồng sự phạm ngày 27 tháng 8 năm 2025)

Cuộc họp khai mạc lúc 16 h

Chủ tọa: Đ/c Giáp Văn Thụ

Thư ký: Đ/c Đặng Văn Lam

Tổng số CBVC: 41 đ/c. Có mặt 41 đ/c : Vắng có lý do: 0 đ/c

Nội dung: Công khai quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công của đơn vị năm 2025

1/ Đ/c Giáp Văn Thụ thông qua:

- Căn Cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC, ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Căn cứ quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Nam Dong về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính đối với các phòng chuyên môn, Trung tâm phục vụ hành chính công và tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập xã năm 2025 đến hết năm 2026.

- Căn cứ thông báo số 30/TB - UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Nam Dong về việc tạm thời tiếp nhận người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã Nam Dong .

- Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Căn cứ vào Nghị định số 11/2020/NĐ-CP, ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước.

- Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các hoàn chi thường xuyên qua Kho bạc nhà nước.

- Căn cứ vào Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Căn cứ vào Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, ngày 30/12/2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Căn cứ vào Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

- Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/04/2017 của Bộ Tài Chính
- Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC, ngày 19/3/2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính.
- Căn cứ Quyết Định 84/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 về việc tiếp nhận quản lý và vận hành các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập về trực thuộc UBND Nam Dong.
- Căn cứ Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND Nam Dong về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
- Căn cứ công văn số 534/HĐND-PC ngày 06/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc thông nhất áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề xuất.

2. Đ/c Trần Thị Huệ: Thông qua quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025

- Bao gồm biên chế và dự toán được giao năm 2025.
- Các khoản chi lương và các khoản trích nộp theo quy định, Chế độ học sinh nghèo thực hiện theo nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của chính phủ quy định chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập
- Chế độ học sinh khuyết tật thực hiện theo thông tư số 42/2013/TT-LT-BDGT và BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.
- Chi tiền nghỉ phép thực hiện theo thông tư số 141/2011/TT-BTC, ngày 20/10/2011 quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị nghiệp công lập.

- Chi thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Đơn vị thực hiện khoán tiền phép là: 600đ/km.

- Các khoản chi điện thoại và điện thoại, chi văn phòng phẩm, công tác phí, chi chuyên môn, chi mua sắm sửa chữa cả nhân và chi khác.

- Tất cả các đồng chí cán bộ, giáo viên và nhân viên trong đơn vị thông nhất với quy chế năm 2025 nhà trường và công đoàn đã xây dựng.

Cuộc họp kết thúc lúc 17h30 cùng ngày và thông qua biên bản và mọi người đều nhất trí./.

Thư ký

Đặng Văn Lam

Giáp Văn Thu

Chủ tọa

